

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1203 /UBND-KGVX

Kiên Giang, ngày 01 tháng 9 năm 2020

V/v thực hiện Quy định chế độ
báo cáo công tác dân tộc
trên địa bàn tỉnh.

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

Thực hiện Thông tư số 01/2019/TT-UBND ngày 31/5/2019 của Ủy ban Dân tộc về việc quy định chế độ báo cáo công tác dân tộc.

Để thực hiện tốt chế độ thông tin, báo cáo về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, theo tinh thần Thông tư số 01/2019/TT-UBND của Ủy ban Dân tộc, UBND tỉnh đề nghị các Sở, ban, ngành cấp tỉnh có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến thực hiện chế độ báo cáo công tác dân tộc trong phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi là các Sở, ban, ngành cấp tỉnh); UBND các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc (sau đây gọi là UBND cấp huyện, UBND cấp xã) báo cáo kết quả thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc theo các nội dung và biểu mẫu như sau:

1. Báo cáo tháng và báo cáo quý:

a) Đối tượng thực hiện báo cáo: Ban Dân tộc, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc.

- Thực hiện báo cáo các tháng: 1, 2, 4, 5, 7, 8, 10, 11; lồng ghép báo cáo tháng 3 vào báo cáo quý I, báo cáo tháng 6 vào báo cáo 6 tháng đầu năm; báo cáo tháng 9 vào báo cáo quý III và báo cáo tháng 12 vào báo cáo năm.

- Thực hiện báo cáo quý I và quý III; lồng ghép báo cáo quý II vào báo cáo 6 tháng đầu năm, báo cáo quý IV vào báo cáo năm.

b) Nội dung báo cáo: Nội dung và mẫu đề cương báo cáo tháng, quý thực hiện theo Mẫu số 01 tại Phụ lục của Công văn này.

c) Quy trình thực hiện và thời gian gửi báo cáo:

- Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 16 của tháng thuộc kỳ báo cáo;

- Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, báo cáo Ban Dân tộc tỉnh trước ngày 18 của tháng thuộc kỳ báo cáo;



- Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 20 của tháng thuộc kỳ báo cáo.

2. Báo cáo 6 tháng và báo cáo năm:

a) Đối tượng thực hiện báo cáo: Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến thực hiện chế độ báo cáo công tác dân tộc trong phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Dân tộc, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc.

b) Nội dung báo cáo:

- Báo cáo của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến thực hiện chế độ báo cáo công tác dân tộc trong phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh: Nội dung và mẫu đề cương báo cáo 6 tháng, năm thực hiện theo Mẫu số 02 tại Phụ lục của Công văn này;

- Báo cáo của Ban Dân tộc, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn: Nội dung và đề cương báo cáo 6 tháng, năm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện theo Mẫu số 03 và các biểu tổng hợp kèm theo tại Phụ lục của Công văn này.

c) Quy trình thực hiện và thời hạn gửi báo cáo:

- Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 16 tháng 6 của năm báo cáo;

- Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, báo cáo Ban Dân tộc tỉnh trước ngày 18 tháng 6 của năm báo cáo;

- Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 20 tháng 6 của năm báo cáo.

3. Thời gian chốt số liệu, thông tin báo cáo:

- Đối với Báo cáo định kỳ hàng tháng: Tính từ ngày 15 tháng trước đến hết ngày 14 của tháng cuối kỳ báo cáo.

- Đối với Báo cáo định kỳ hàng quý: Tính từ ngày 15 tháng trước kỳ báo cáo đến hết ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo.

- Đối với Báo cáo 6 tháng đầu năm: Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến hết ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo.

- Đối với Báo cáo định kỳ hàng năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến hết ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Đề nghị các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, đúng quy trình, thời hạn các chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực công tác dân tộc theo tinh thần Công văn này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các

cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định././

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- LĐVP; P.KGVX, P.TH;
- Lưu: VT, nvthanh.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Handwritten signature

Lâm Minh Thành





Phụ lục

**PHỤ LỤC BÀY CHẾ ĐỘ BÁO CÁO
ĐỊNH KỲ LÊN VỰC CÔNG TÁC DÂN TỘC**

(Kèm theo Công văn số: 1205 /UBND-KGVX ngày 01 tháng 9 năm 2020 của UBND tỉnh về việc thực hiện quy định chế độ báo cáo công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh)

Mẫu số 01	Báo cáo kết quả thực hiện công tác dân tộc tháng (quý)
Mẫu 02 (Kèm theo biểu tổng hợp số 014/ĐP.BN/CSDT)	Báo cáo kết quả thực hiện các chương trình, đề án, dự án, chính sách liên quan đến công tác dân tộc do sở, ngành quản lý 6 tháng đầu năm (năm)
Mẫu số 03 (Kèm theo biểu tổng hợp số 002/ĐP/135.CSHT; 003/ĐP/135.PTSX; 004/ĐP/135.NCNL; 005/ĐP/135.TH; 006/ĐP/2085; 007/ĐP/12; 008/ĐP/1163; 010/ĐP/498; 011/ĐP/1898; 012/ĐP/2214; 013/ĐP/1557; 014/ĐP.BN/CSDT)	Báo cáo kết quả thực hiện công tác dân tộc 6 tháng đầu năm (năm)

MẪU BÁO CÁO SỐ 01 - BÁO CÁO THÁNG (QUÝ)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CƠ QUAN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../BC-

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác dân tộc tháng (quý)....

I. TÌNH HÌNH VÙNG DTTS

Tổng hợp tình hình vùng dân tộc thiểu số nổi bật trong tháng (quý) về: sản xuất, đời sống, giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội; những vấn đề nổi cộm về an ninh trật tự, thiên tai, dịch bệnh, tình hình di cư tự do trong đồng bào dân tộc thiểu số.... (nếu có).

II. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CÔNG TÁC DÂN TỘC

1. Chỉ đạo, điều hành công tác dân tộc của địa phương

2. Tình hình thực hiện các chương trình, đề án, dự án, chính sách do Ủy ban Dân tộc quản lý

- Công tác quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, tổng kết...

- Tình hình triển khai và kết quả thực hiện (vốn kế hoạch, vốn thực giao, vốn giải ngân, tỷ lệ giải ngân, một số kết quả chủ yếu...)

- Những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân trong quá trình thực hiện từng chính sách, chương trình, dự án.

3. Thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của cơ quan công tác dân tộc

4. Đánh giá chung

- Đánh giá kết quả thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc

- Những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân.

III. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC DÂN TỘC THÁNG (QUÝ) TIẾP THEO

1. Nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp thực hiện.

2. Các kiến nghị, đề xuất.

Nơi nhận:

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).

MẪU BÁO CÁO SỐ 02

Báo cáo kết quả thực hiện các chương trình, đề án, dự án, chính sách liên quan đến công tác dân tộc do sở, ngành quản lý 6 tháng đầu năm (năm)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN²
TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../BC-

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các chương trình, đề án, dự án, chính sách liên quan đến công tác dân tộc do sở, ngành quản lý 6 tháng đầu năm (năm)

I. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC

1. Tình hình triển khai, kết quả thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng; nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ; các chỉ thị, kết luận, quyết định của Thủ tướng Chính phủ về công tác dân tộc.

2. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 05/2011/NĐ-CP, ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc và Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC DÂN TỘC DO SỞ, NGÀNH QUẢN LÝ, THEO DỐI

1. Nghiên cứu, đề xuất, xây dựng các chính sách, chương trình, dự án thực hiện tại vùng DTTS.

2. Tình hình triển khai và kết quả thực hiện một số chương trình, đề án, dự án, chính sách hiện hành tác động trực tiếp đến vùng DTTS.

Lập *Biểu tổng hợp số 014/ĐP.BN/CSĐT* ban hành kèm theo công văn này.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

2. Một số hạn chế, khó khăn vướng mắc và nguyên nhân

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

2. Với các bộ, ngành

3. Với Ủy ban Dân tộc.

Nơi nhận:

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(*Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức*)

Họ và tên

² Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).

MẪU BÁO CÁO SỐ 03 - BÁO CÁO 6 THÁNG VÀ BÁO CÁO NĂM

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN³
TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../BC-

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác dân tộc 6 tháng đầu năm (năm.....)

I. TÌNH HÌNH VÙNG DTTS

1. Về sản xuất, đời sống: ước tính một số chỉ tiêu: Thu nhập bình quân đầu người? tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo? tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo DTTS? tỷ lệ hộ tái nghèo? tình hình thiệt hại về người và tài sản do thiên tai? tỷ lệ xã đạt tiêu chí nông thôn mới? tỷ lệ xã có điện lưới quốc gia? tỷ lệ xã đường ô tô đến trung tâm xã?..).

2. Về văn hóa: ước tính một số chỉ tiêu: Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa? có nhà văn hóa đạt chuẩn quốc gia? tỷ lệ thôn, bản có nhà sinh hoạt cộng đồng?..).

3. Về giáo dục: ước tính một số chỉ tiêu: Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia? Tổng số học sinh được cử tuyển?..)

4. Về y tế: ước tính một số chỉ tiêu: Tỷ lệ xã có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia? tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ? tỷ lệ thôn, bản có cán bộ y tế? tỷ lệ hộ DTTS sử dụng nước sạch? tỷ lệ hộ DTTS sử dụng hố xí hợp vệ sinh?..).

5. Về an ninh trật tự

Báo cáo tình hình an ninh trật tự, tôn giáo, tà giáo, đạo lạc, di cư tự do, nạn phá rừng, buôn bán ma túy, phụ nữ, trẻ em, tội phạm khác...

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN TỘC 6 THÁNG ĐẦU NĂM (NĂM...)

1. Sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành công tác dân tộc của địa phương

- Công tác quán triệt, tổ chức, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, và Nhà nước về công tác dân tộc.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 05/2011/NĐ-CP của Chính phủ về Công tác dân tộc và Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020.

2. Kết quả hoạt động của cơ quan công tác dân tộc

- Tổ chức bộ máy, nhân sự; thay đổi chức năng, nhiệm vụ; phân cấp quản lý, chỉ đạo.

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc: Theo dõi, tổng hợp tình hình vùng dân tộc; xây dựng và giao nhiệm vụ kế hoạch, huy động nguồn lực, phân bổ vốn, ban hành văn bản hướng dẫn; theo dõi, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra thực hiện công tác dân tộc và chính sách dân tộc; tổ chức thăm hỏi ngày lễ, tết; thực hiện các chính sách an sinh xã hội...

³ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).

3. Kết quả thực hiện các chính sách dân tộc

3.1. Kết quả thực hiện các chương trình, đề án, dự án, chính sách do Ủy ban Dân tộc chủ trì quản lý, chỉ đạo:

- Tình hình triển khai, kết quả thực hiện từng chính sách, chương trình, dự án.

- Lập các **Biểu tổng hợp số 002/ĐP/.., 003/ĐP/..., 004/ĐP/..,** ban hành kèm theo công văn này.

3.2. Kết quả thực hiện một số chương trình, đề án, dự án, chính sách do các bộ, ngành khác quản lý, chỉ đạo;

- Tình hình triển khai, kết quả thực hiện một số chính sách, chương trình, dự án tác động trực tiếp đến DTTS, thực hiện tại vùng DTTS (Chương trình MTQG xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, các chính sách về y tế, văn hóa, giáo dục, dạy nghề...)

- Lập các **Biểu tổng hợp số 014/BN.ĐP/CSDT** ban hành kèm theo công văn này.

3.3. Kết quả thực hiện các chính sách dân tộc đặc thù của địa phương:

- Đề xuất, nghiên cứu, xây dựng đề án, chính sách mới.

- Tình hình triển khai, kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án hiện hành.

4. Đánh giá chung

Kết quả đạt được; những ưu điểm, thuận lợi, khó khăn, hạn chế, yếu kém, nguyên nhân.

III. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC DÂN TỘC TRUNG TÂM 6 THÁNG (NĂM) TIẾP THEO

1. Kế hoạch nhiệm vụ công tác dân tộc 6 tháng cuối năm (hoặc năm sau)

2. Giải pháp thực hiện

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Các kiến nghị, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Dân tộc và các Bộ, ngành TW liên quan đến công tác dân tộc./.

Nơi nhận:

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 002/ĐP/135.CSHT
KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CSHT CHƯƠNG TRÌNH 135
(Kèm theo Mẫu số 03)

STT	HẠNG MỤC	Số công trình					Tổng kinh phí (triệu đồng)	Phân theo nguồn vốn (triệu đồng)				Vốn giải ngân (triệu đồng)	Số công trình hoàn thành	Ghi chú
		Khởi công mới	Chuyển tiếp, trả nợ	Duy tu bảo dưỡng	Xã CĐT	Cộng đồng thực hiện		NSTU (CT 135)	NSDP	Dân đóng góp (quy đổi)	Lồng ghép, vốn khác			
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10+11+12	9	10	11	12	13	14	15
1	Công trình giao thông													
2	Công trình thủy lợi													
3	Công trình điện													
4	Công trình văn hóa													
5	Công trình y tế													
6	Công trình giáo dục													
7	Nước sinh hoạt													
8	Công trình khác													
CỘNG														

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu nếu có, ghi rõ họ tên)

11	Máy móc thiết bị	Cái								
12	Xăng, dầu	Lít								
13	Phân bón các loại	Tấn								
14	Thuốc BVTV	Liều								
15	Thuốc thú y	Liều								
16	Mô hình PTSX	Mô hình								
17	Tham quan học tập	Người								
18	Đào tạo nghề, tập huấn	Người								
19	Chi phí Quản lý									

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 004/ĐP/135.NCNL
KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN NÂNG CAO NĂNG LỰC CHƯƠNG TRÌNH 135
(Kèm theo Mẫu số 03)

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Phân theo nguồn (tr. đồng)			Lượt người tham dự (người)						Vốn giải ngân	Ghi chú
					NSTU (CT 135)	NSDP	NV Khác	Cán bộ xã		Cán bộ thôn		Người dân			
								Số lượng	Trong đó nữ	Số lượng	Trong đó nữ	Số lượng	Trong đó nữ		
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5 = 6+7+8</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>13</i>	<i>14</i>	<i>15</i>	<i>16</i>
1	Lớp tập huấn	Lớp													
2	Tham quan học tập	Đợt													

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu nếu có, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 005/ĐP/135.TH
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH 135 NĂM
(Kèm theo Mẫu số 03)

TT	Tiêu chí đánh giá	Đầu giai đoạn	Thời điểm báo cáo
1	Tỷ lệ hộ nghèo các xã, thôn bản ĐBKK (%)		
2	Tỷ lệ hộ cận nghèo các xã, thôn bản ĐBKK(%)		
3	Thu nhập bình quân hộ nghèo ở các xã, thôn bản ĐBKK		
4	Tỷ lệ hộ nghèo DTTS của huyện (tp)/xã (%)		
5	Tỷ lệ hộ cận nghèo DTTS của huyện (tp)/xã (%)		
6	Thu nhập bình quân hộ nghèo DTTS của huyện (tp)/xã		
7	Tỷ lệ hộ gia đình ở xã, thôn ĐBKK được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh		
8	Tỷ lệ diện tích canh tác được tưới tiêu bằng các công trình thủy lợi trên địa bàn xã, thôn ĐBKK		
9	Số xã hoàn thành mục tiêu CT135		
10	Số thôn bản hoàn thành mục tiêu CT135		
11	Số xã ĐBKK có đường ô tô đến trung tâm xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ GTVT		
12	Số thôn, bản ĐBKK có đường trục giao thông được cứng hóa theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ GTVT		
13	Số xã ĐBKK đạt tiêu chí quốc gia về y tế		
14	Số xã ĐBKK có Trạm y tế đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế		
15	Số xã ĐBKK có mạng lưới trường mầm non, phổ thông, trung tâm học tập cộng đồng đủ để đáp ứng nhu cầu học tập và phổ biến kiến thức cho người dân		
16	Số xã ĐBKK làm chủ đầu tư dự án hỗ trợ PTSX		
17	Số xã ĐBKK làm chủ đầu tư dự án đầu tư CSHT		
18	Số xã ĐBKK có tổ đội sản xuất tham gia thi công công trình hạ tầng thuộc CT135		

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu nếu có, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 006/ĐP/2085
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH ĐẤT Ở, ĐẤT SẢN XUẤT VÀ NƯỚC SINH HOẠT PHÂN TÁN, ĐỊNH
CANH ĐỊNH CƯ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2085/QĐ-TTG
(Kèm theo Mẫu số 03)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Huyện, thị xã	Tổng số hộ hưởng các nội dung chính sách	Tổng vốn thực hiện hỗ trợ	Tổng vốn thực hiện cho vay	Đất ở			Đất sản xuất							Nước sinh hoạt		Bố trí ổn định dân cư			Vay vốn hộ đặc biệt khó khăn		Ghi chú		
					Số hộ	Diện tích (ha)	Vốn NSDP	Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất				Hỗ trợ chuyển đổi nghề			Số hộ	Vốn hỗ trợ	Số hộ	Kết quả thực hiện		Tổng vốn đã thanh toán	Số hộ		Số tiền	
								Vốn hỗ trợ	Số hộ	Diện tích (ha)	Vốn vay	Vốn hỗ trợ	Số hộ	Vốn vay				Số hộ	Vốn					Số tiền
1	2	3=6+9+13+16+18+22	4=11+14+17+21	5=12+15+23	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21=19+20	22	23	24	
1																								
2																								
3																								
4																								
5																								
Tổng số																								

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu nếu có, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 007/ĐP/12
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ UY TÍN THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ
12/2018/QĐ-TTg
(Kèm theo Mẫu số 03)

Số TT	Nội dung thực hiện	Khối lượng thực hiện			Kinh phí (triệu/đồng)			% giải ngân so với KH	Ghi chú
		Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Kinh phí thực hiện				
					NSDP	NSTW	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=6+7)	(9)	(10)
I	Cung cấp thông tin cho NCUT								
1	Hội nghị phổ biến, cung cấp thông tin cho NCUT:								
a)	Do cấp tỉnh tổ chức (Sở, Ban, ngành):								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số NCUT tham dự	người							
b)	Do cấp huyện tổ chức								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số NCUT tham dự	người							
2	Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho NCUT:								
a)	Do cấp tỉnh tổ chức (Sở, Ban, ngành):								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số NCUT tham dự	người							
b)	Do cấp huyện tổ chức								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số NCUT tham dự	người							

3	Tổ chức cho NCUT đi tham quan, giao lưu, học tập kinh nghiệm trong, ngoài tỉnh:							
a)	Do cấp tỉnh tổ chức (Sở, Ban, ngành):							
*	Tổ chức trong tỉnh:							
	- Số cuộc	cuộc						
	- Số NCUT tham dự	người						
*	Tổ chức ngoài tỉnh (Hà Nội và ĐP khác)							
	- Số cuộc	cuộc						
	- Số NCUT tham dự	người						
b)	Do cấp huyện tổ chức:							
*	Tổ chức trong huyện:							
	- Số cuộc	cuộc						
	- Số NCUT tham dự	người						
*	Tổ chức ở các huyện khác trong tỉnh							
	- Số cuộc	cuộc						
	- Số NCUT tham dự	người						
c)	Đón tiếp các Đoàn NCUT các tỉnh khác							
	- Số cuộc	cuộc						
	- Số lượt NCUT đón tiếp	người						
4	Cấp báo, tạp chí cho NCUT:							
a)	Báo Dân tộc và Phát triển							
	- Số kỳ phát hành/năm	kỳ						
	- Số tờ/năm	tờ						

	- Số lượng NCUT được khen thưởng	người							
2	Do cấp tỉnh khen thưởng								
	- Hình thức khen thưởng								
	- Số lượng NCUT được khen thưởng	người							
3	Do cấp huyện khen thưởng								
	- Hình thức khen thưởng								
	- Số lượng NCUT được khen thưởng	người							
	Tổng cộng						(I+II+III)		

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu nếu có, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 010/ĐP/498
KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN “GIẢM THIỂU TÌNH TRẠNG TẢO HÔN VÀ HÔN NHÂN CẬN HUYẾT THÔNG
TRONG VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ GIAI ĐOẠN 2015-2025” THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 498/QĐ-TTG
(Kèm theo Mẫu số 03)

TT	Đơn vị/cơ quan thực hiện	Tập huấn, cung cấp thông tin		Các hoạt động tuyên truyền, tư vấn, can thiệp về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống					Thống kê số vụ kết hôn					Kinh phí (triệu đồng)			Tỷ lệ giải ngân (%)	
		Số cuộc	Số lượt người tham gia	Tuyên truyền qua báo đài địa phương (tin, bài...)	Xây dựng pa nô, áp phích (số lượng)	Số vụ tư vấn về tảo hôn và hôn nhân CHT	Số vụ can thiệp về tảo hôn và hôn nhân CHT	Hoạt động khác (nếu có)	Tổng số cặp kết hôn	Số cặp kết hôn tảo hôn		Tỷ lệ %	Số cặp kết hôn cận huyết thống	Tỷ lệ %	Kế hoạch giao			
										1 người tảo hôn	Cả 2 người tảo hôn				NSDP	NSTW		Tổng
1	Huyện A																	
2	Huyện B																	
3																	
	Tổng cộng																	

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu nếu có, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 008/ĐP/1163
Kết quả thực hiện Đề án “Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng DTTS & miền núi giai đoạn 2017-2021”
theo Quyết định số 1163/QĐ-TTg
(Kèm theo Mẫu số 03)

STT	Nội dung hoạt động	Số lượng	Kế hoạch (Triệu đồng)	Thực hiện (Triệu đồng)	Ghi chú
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
	Tổng cộng				

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu nếu có, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 011/ĐP/1898
KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN “HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG BÌNH ĐẲNG GIỚI VÙNG DTTS GIAI ĐOẠN 2018-2025” THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1898/QĐ-TTG
(Kèm theo Mẫu số 03)

Số TT	Nội dung chính sách thực hiện đối với bình đẳng giới	Khối lượng thực hiện			Kinh phí thực hiện				Ghi chú
		Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	NSDP	NSTW	Tổng	Tỷ lệ % giải ngân so với KH	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)+(7)	(9)	(10)
I	Một số thông tin về thực trạng								
1	Số vụ bạo lực trong gia đình DTTS được phát hiện	Vụ							
2	Số vụ bạo lực được can thiệp, hòa giải	Vụ							
3	Số lượng phụ nữ DTTS bị buôn bán qua biên giới	người							
4	Số lượng trẻ em gái DTTS bị buôn bán/tổng số	người/người							
II	Cung cấp thông tin								
1	Tuyên truyền, phổ biến BĐG								
	* Số cuộc	cuộc							
	- Số người tham dự	người							
2	Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số người tham dự	người							

3	Hỗ trợ thực hiện, xây dựng mô hình								
	- Số lượng mô hình trên toàn tỉnh	mô hình							Liệt kê tên, địa điểm xây dựng mô hình và các nội dung chủ yếu
	- Số người tham gia thực hiện mô hình	người							
4	Hoạt động khác (nếu có)								
	Tổng cộng								

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu nếu có, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 012/ĐP/2214
KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC QUỐC TẾ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2214/QĐ-TTg CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Mẫu số 03)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên chương trình dự án	Tổ chức tài trợ	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Tổng kinh phí	Vốn tài trợ	Vốn đối ứng	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
1									
2									
3									
4									
5									
6									
7									
8									
9									
10									
Tổng cộng									

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu nếu có, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 013/ĐP/1557
(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2019/TT-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2019
của Ủy ban Dân tộc)

KẾT QUẢ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 1557/QĐ-TTg
(Kèm theo Mẫu số 03)

STT	Chỉ tiêu đối với đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS)	Kế hoạch	Kết quả đạt được	Kết quả so với kế hoạch (%)	Ghi chú
1	Xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực và thiếu đói				
1.1	Tỷ lệ hộ nghèo DTTS (%)				
1.2	Tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi ở trẻ em DTTS dưới 5 tuổi (%)				
2	Phổ cập giáo dục tiểu học				
2.1	Tỷ lệ trẻ em DTTS nhập học đúng tuổi bậc tiểu học (%)				
2.2	Tỷ lệ người DTTS hoàn thành chương trình tiểu học (%)				
2.3	Tỷ lệ người DTTS từ 10 tuổi trở lên biết chữ (%)				
3	Tăng cường bình đẳng nam nữ và nâng cao vị thế cho phụ nữ				
3.1	Tỷ lệ mù chữ của nữ người DTTS				
3.2	Tỷ lệ học sinh nữ DTTS ở bậc tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông (%)				
3.3	Tỷ lệ đại biểu nữ DTTS ở HĐND cấp xã (%)				
3.4	Tỷ lệ đại biểu Quốc hội nữ/tổng số đại biểu quốc hội người DTTS (%)				
4	Giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em				
4.1	Tỷ suất tử vong trẻ em DTTS dưới 1 tuổi/1000 trẻ đẻ sống				
4.2	Tỷ suất tử vong trẻ em DTTS dưới 5 tuổi/1000 trẻ đẻ sống				
5	Tăng cường sức khỏe bà mẹ				
5.1	Tỷ số tử vong mẹ người DTTS/100.000 trẻ sơ sinh sống (%)				
5.2	Tỷ lệ các ca sinh của phụ nữ của phụ nữ DTTS				

	được cán bộ y tế đã qua đào tạo đỡ %)				
5.3	Tỷ lệ phụ nữ DTTS được khám thai ít nhất 3 lần trong kỳ mang thai (%)				
6	Phòng chống HIV/AIDS, sốt rét và các dịch bệnh khác				
6.1	Tỷ lệ nhiễm HIV ở nhóm dân số DTTS 15-24 tuổi (%)				
6.2	Tỷ lệ bệnh nhân DTTS mắc sốt rét/1000 dân				
6.3	Tỷ lệ DTTS mắc lao/100.000 dân				
7	Đảm bảo bền vững về môi trường				
7.1	Tỷ lệ hộ DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh (%)				
7.2	Tỷ lệ hộ DTTS được sử dụng hố xí hợp vệ sinh (%)				

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu nếu có, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 014/ĐP.BN/CSĐT

Kết quả thực hiện các chương trình, đề án, dự án, chính sách liên quan đến công tác dân tộc do bộ/địa phương... quản lý
chỉ đạo 6 tháng đầu năm (năm...)
(Kèm theo Mẫu số 02, Mẫu số 03)

(Đơn vị: Triệu đồng)

STT	Tên Chương trình, đề án, dự án, chính sách	Vốn nhu cầu kế hoạch	Vốn được giao	Vốn đã giải ngân	Tỷ lệ giải ngân/vốn giao	Một số kết quả chủ yếu
1						
2						
3						
4						
...						
	Tổng số					

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu nếu có, ghi rõ họ tên)